

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST

Ngày 03-7-2017.

V/v tranh chấp nợ chung
vợ chồng sau ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Việt Hải.
2. Bà Phạm Thị Mai.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Mộc Hóa, tỉnh Long An: Ông Võ Thanh Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2017 về “tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).
2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện M, tỉnh Long An (vắng mặt không lý do).
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Tấn S, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện M, tỉnh Long An (vắng mặt không lý do).
4. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Châu T là Luật gia của Hội luật gia tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-01-2017 và trong quá trình xét xử và tại phiên tòa ông Lê Châu T trình bày:

Ngày 17-4-2015 ông P và bà N đã ly hôn theo Quyết định số 12/2015/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An. Phần quyết định có nêu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Về con chung: Sau khi ly hôn ông P được quyền nuôi con chung là Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 21-7-2001; Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 23-02-2004 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 25-9-2010 và không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nhưng nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn một mình ông P không đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu Tòa án buộc bà N phải cấp dưỡng tiền nuôi con là 610.000đ/ một con /tháng cho tới khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: Yêu cầu chia đôi giá trị chiếc xe moto hiệu FUSIN, biển số 71AA: 037.24 do bà N đứng tên, giá trị khi mua là 9.000.000đ. Nay giá trị còn lại là 3.000.000đ. Ông P yêu cầu được nhận xe và hoàn lại giá trị được chia cho bà N là 1.500.000đ. Công an xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre đang giữ chiếc xe, do ông S chồng bà N đến cất hộ khẩu cho bà N thì ông P giữ lại và yêu cầu công an tới giữ để yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Khi vợ chồng còn chung sống có vay của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bến Tre - Phòng giao dịch C số tiền 11.000.000đ. Nay ông P đã trả xong cho Ngân hàng cách đây vài tháng, mục đích vay để nuôi bò, sau đó bán bò để mua chiếc xe biển số 71AA: 037.24 (còn một chiếc xe bán trước khi ly hôn để nuôi con không nhớ biển số) nên yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả lại cho ông P số tiền 5.500.000đ.

Về tài sản riêng: Nay không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông P đã rút yêu cầu về tài sản riêng. Tại phiên tòa hôm nay ông P rút yêu cầu về chia tài sản chung, về cấp dưỡng nuôi con chung. Chỉ yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày: Ông P thống nhất với lời trình bày của ông T và không bổ sung thêm gì.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày trong biên bản hòa giải ngày 05-4-2017 như sau:

Về các nội dung trong Quyết định số 12/2015/QĐST-HNGĐ ngày 17-4-2015 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An đúng như lời trình bày của ông P trình bày.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nếu ông P không nuôi được thì giao cho bà N nuôi dưỡng.

Về chia tài sản chung: Khi ly hôn bà N không yêu cầu chia tài sản chung, ngoài ra khi vợ chồng còn chung sống còn mua rất nhiều vật dụng nhưng hiện nay đều do ông P sử dụng, nên bà N không đồng ý yêu cầu chia chiếc xe moto hiệu FUSIN, biển số 71AA: 037.24.

Về nợ chung: Đối với số tiền 11.000.000đ bà và ông P có vay nợ Ngân hàng để mua bò nuôi, sau đó bán bò và Nhà nước có chính sách hỗ trợ thêm 15.000.000đ để xây nhà (đất nền thì do cha ông P cho). Khi ly hôn bà N không yêu cầu chia giá trị căn nhà nên bà N không có trách nhiệm trả số tiền vay Ngân hàng này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn S trình bày trong biên bản hòa giải ngày 05-4-2017 như sau:

Ông Lê Tấn S cùng chú của bà N đến Bến Tre để cắt hộ khẩu cho bà N, dùng chiếc xe biển số 71AA: 037.24 để làm phương tiện đi lại thì bị ông P báo công an và chiếc xe hiện nay đang bị Công an xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre giữ và sau đó đã giao trả chiếc xe trên cho ông P quản lý sử dụng.

Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 02 nhưng bà N và ông S vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông P yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả lại số tiền 5.500.000đ là số nợ chung của vợ chồng mà ông P đã trả cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bến Tre - Phòng giao dịch C.

Ông P rút yêu cầu về chia tài sản chung và về cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến lời phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P vì yêu cầu đó phù hợp và có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn pháp luật quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã hỏi rõ những tình tiết có liên quan, không hạn chế quyền tranh luận.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng P.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Hoàng P yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về nợ chung vợ chồng sau ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện M, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 8 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “nợ chung vợ chồng sau ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

[2] *Nội dung vụ kiện*:

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Sau khi ly hôn ông P và bà N thống nhất giao nuôi con chung cho ông P nuôi dưỡng là Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 21/7/2001; Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 23/02/2004 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 25/9/2010 và không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Nhưng nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn một mình ông P không đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu Tòa án buộc bà N phải cấp dưỡng tiền nuôi con là 610.000đ/ một con /tháng cho tới khi các con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa ông P xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông P và bà N cùng trình bày thống nhất là có vay của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre - Phòng giao dịch C số tiền là 11.000.000đ để nuôi bò. Tuy nhiên ông P trình bày sau đó vợ chồng ông bán bò để mua xe biển số 71AA: 037.24 và một chiếc xe khác đã bán nên ông không nhớ biển số. Bà N thì trình bày là vợ chồng bà bán bò và cùng với số tiền Nhà nước hỗ trợ cho 15.000.000đ để xây nhà (đất nền thì do cha ông P cho). Khi ly hôn bà N không yêu cầu chia giá trị căn nhà. Quá trình Tòa án yêu cầu ông P cung cấp tài liệu thông tin về 02 chiếc xe mô tô thì ngày 22-3-2017 ông P cung cấp sổ bảo hành có số trang từ 01 đến 08 với các thông tin khách hàng “Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc N. Địa chỉ: T- C. Hiệu xe: Fusin. Màu: Đỏ- bạc. Số khung 870053. Số máy 870053. Ngày bán 02-01-2013”.

Phiên tòa hôm nay ông P xin rút yêu cầu về chia tài sản chung và trong quá trình giải quyết vụ án bà N không yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại văn bản và tài liệu do Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre - Phòng giao dịch C cung cấp thì ngày 23-11-2012 vợ chồng ông P có vay vốn của Ngân hàng theo chương trình hộ nghèo với số tiền 11.000.000đ, lãi suất 0.65%/ tháng. Từ ngày 19-11-2014 đến ngày 19-11-2016 ông P là người trực tiếp thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc 11.000.000đ và tiền lãi là 1.558.264đ. Tại biên bản hòa giải ngày 05-4-2017 bà N đồng ý hoàn trả lại cho ông P số tiền 5.500.000đ và được ông P đồng ý, đây cũng là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu của ông P là phù hợp.

[3] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 33; Điều 59; Điều 107; Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng P đối với bà Nguyễn Thị Ngọc N về yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ vợ chồng còn chung sống với nhau.

2/ Xử buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng P số tiền 5.500.000đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của ông Nguyễn Hoàng P.

4/ *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn, nộp Ngân sách nhà nước.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng P số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai thu số 0003016 ngày 24-02-2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (Mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (Mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA